

BỘ TÀI CHÍNH

114 /2011/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 67/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-TTg ngày 03/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 11/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới và nâng cấp hiệu quả hoạt động giám định tư pháp”;

Sau khi có ý kiến của Bộ Y tế tại công văn số 2331/BYT-KHTC ngày 29/4/2011; Bộ Quốc phòng tại công văn số 1532/BQP-PC ngày 22/6/2011; Bộ Công an tại công văn số 1853-V19 ngày 29/6/2011.

Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y như sau:

Điều 1. Đối tượng nộp phí

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định phải nộp phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với các vụ án hình sự.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị trưng cầu giám định phải nộp phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

Người đề nghị trưng cầu giám định là thương binh, thân nhân liệt sĩ, người bị nhiễm chất độc da cam, người nghèo, người già cô đơn, không nơi

nương tựa, trẻ em mồ côi, khuyết tật không phải nộp chi phí giám định tư pháp. Khoản chi phí này do ngân sách nhà nước chi trả.

Điều 2. Mức thu phí

Phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y bao gồm chi phí giám định tư pháp và tiền bồi dưỡng giám định tư pháp.

Mức thu phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y thực hiện theo quy định tại Biểu phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Cơ quan thu phí là Viện Pháp y Quốc gia - Bộ Y tế; Trung tâm Pháp y, Tổ chức giám định Pháp y trực thuộc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng giám định Pháp y thuộc Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh; Viện Pháp y quân đội, Bệnh viện cấp quân khu thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự của Bộ Công an, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Khi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nộp hồ sơ trung cầu giám định, phải nộp phí giám định tư pháp.

Khi tổ chức, cá nhân đề nghị trung cầu giám định, phải nộp phí giám định tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng đề nộp phí khi trung cầu giám định.

3. Cơ quan thu phí được chi trả tiền bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định hiện hành; được trích để lại 95% trên tổng số tiền chi phí giám định thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước, để trang trải cho việc thu phí.

Phần tiền chi phí giám định tư pháp còn lại (5%), cơ quan thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2011.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, kê khai, nộp phí và công khai chế độ thu phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định

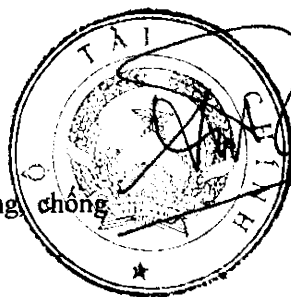
số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn. /.

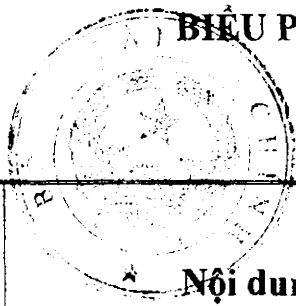
Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**BIỂU PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC PHÁP Y***(Ban hành kèm theo Thông tư số 114/2011/TT-BTC**ngày 12/8/2011 của Bộ Tài chính)*

Stt	Nội dung	Chi phí giám định tư pháp (đồng)	Tiền bồi dưỡng giám định tư pháp (đồng)	Mức phí giám định (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)
1	Giám định tổng hợp:			
1.1	Giám định sức khỏe			
1.1.1	Giám định tổn hại sức khỏe			
	Trường hợp thông thường	535.000	340.000	875.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	535.000	510.000	1.045.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	535.000	850.000	1.385.000 đ/trường hợp
1.1.2	Giám định sức khỏe và xác định vật gây thương tích			
	Trường hợp thông thường	535.000	680.000	1.215.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	535.000	1.020.000	1.555.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	535.000	1.700.000	2.235.000 đ/trường hợp
1.1.3	Giám định lại tổn hại sức khỏe			
	Trường hợp thông thường	535.000	440.000	975.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	535.000	660.000	1.195.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	535.000	1.100.000	1.635.000 đ/trường hợp
1.1.4	Giám định sức khỏe trước khi thi hành án tử hình			
	Trường hợp thông thường	535.000	270.000	805.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	535.000	405.000	940.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	535.000	675.000	1.210.000 đ/trường hợp
1.1.5	Giám định hồ sơ (khi người được giám định đã chết)			
	Trường hợp 1	480.000	2.775.000	3.255.000 đ/trường hợp
1.2	Giám định hiếp dâm			
	Trường hợp thông thường	665.000	340.000	1.005.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	665.000	510.000	1.175.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	665.000	850.000	1.515.000 đ/trường hợp

1.3	Giám định tuổi			
	Trường hợp thông thường	505.000	340.000	845.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	505.000	510.000	1.015.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	505.000	850.000	1.355.000 đ/trường hợp
1.4	Giám định giới tính			
	Trường hợp thông thường	505.000	340.000	845.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	505.000	510.000	1.015.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	505.000	850.000	1.355.000 đ/trường hợp
1.5	Khám sức khỏe tiền hôn nhân			
	Trường hợp thông thường	245.000	270.000	515.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	245.000	405.000	650.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	245.000	675.000	920.000 đ/trường hợp
1.6	Giám định vật gây thương tích			
1.6.1	Giám định vật gây thương tích			
	Trường hợp thông thường	480.000	270.000	750.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	480.000	405.000	885.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	480.000	675.000	1.155.000 đ/trường hợp
1.6.2	Giám định xác định vật gây thương tích			
	Trường hợp thông thường	140.000	270.000	410.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	140.000	405.000	545.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	140.000	675.000	815.000 đ/trường hợp
1.7	Hội chẩn các chuyên ngành			
1.7.1	Hội chẩn các chuyên ngành trên hồ sơ			
	Trường hợp 1	505.000	1.980.000	2.485.000 đ/trường hợp
1.7.2	Hội chẩn các chuyên ngành có mặt người được giám định			
	Trường hợp 1	640.000	1.980.000	2.620.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	640.000	3.300.000	3.940.000 đ/trường hợp
1.8	Giám định hội đ cấp Bộ			
1.8.1	Giám định Hội đ cấp Bộ trên hồ sơ			
	Trường hợp 1	715.000	2.880.000	3.595.000 đ/trường hợp

1.8.2	Giám định Hội đồng cấp Bộ có mặt người được giám định			
	Trường hợp 1	845.000	2.880.000	3.725.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	845.000	4.800.000	5.645.000 đ/trường hợp
2	Giám định Tử thi- Hải cốt:			
2.1	Giám định tử thi			
2.1.1	Giám định tử thi chết <48 giờ			
	Trường hợp 4	1.480.000	3.400.000	4.880.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.480.000	2.550.000	4.030.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.480.000	10.200.000	11.680.000 đ/trường hợp
2.1.2	Giám định tử thi chết từ 48 giờ - 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải khai quật			
	Trường hợp 4	1.480.000	5.100.000	6.580.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.480.000	3.825.000	5.305.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.480.000	10.200.000	11.680.000 đ/trường hợp
2.1.3	Giám định tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày nhưng phải khai quật			
	Trường hợp 4	1.430.000	6.800.000	8.230.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.430.000	5.100.000	6.530.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.430.000	10.200.000	11.630.000 đ/trường hợp
2.1.4	Giám định tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật			
	Trường hợp 4	1.430.000	10.200.000	11.630.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.430.000	7.650.000	9.080.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.430.000	10.200.000	11.630.000 đ/trường hợp
2.1.5	Giám định không phải mổ tử thi <48 giờ			
	Trường hợp 3	890.000	1.020.000	1.910.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	890.000	765.000	1.655.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	890.000	1.700.000	2.590.000 đ/trường hợp
2.1.6	Giám định không mổ tử thi ngoài 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải			

	khai quật			
	Trường hợp 3	970.000	1.360.000	2.330.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	970.000	1.020.000	1.990.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	970.000	1.700.000	2.670.000 đ/trường hợp
2.1.7	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật			
	Trường hợp 3	890.000	1.700.000	2.590.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	890.000	1.275.000	2.165.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	890.000	1.700.000	2.590.000 đ/trường hợp
2.1.8	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật			
	Trường hợp 3	890.000	1.700.000	2.590.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	890.000	1.275.000	2.165.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	890.000	1.700.000	2.590.000 đ/trường hợp
2.1.9	Giám định tử thi bằng chụp XQ			
	Trường hợp 3	910.000	1.320.000	2.230.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	910.000	990.000	1.900.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	910.000	2.200.000	3.110.000 đ/trường hợp
2.1.10	Giám định tử thi bằng chụp Scanner			
	Trường hợp 3	1.790.000	1.530.000	3.320.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.790.000	1.147.000	2.937.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.790.000	2.550.000	4.340.000 đ/trường hợp
2.1.11	Giám định tử thi bằng chụp cộng hưởng từ (MRI)			
	Trường hợp 3	2.390.000	1.530.000	3.920.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	2.390.000	1.147.000	3.537.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	2.390.000	2.550.000	4.940.000 đ/trường hợp
2.1.12	Giám định tử thi bằng chụp 3D			
	Trường hợp 3	3.390.000	1.530.000	4.920.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	3.390.000	1.147.000	4.537.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	3.390.000	2.550.000	5.940.000 đ/trường hợp

2.1.1 3	Giám định sau khi thi hành án tử hình			
	Trường hợp 3	730.000	810.000	1.540.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	730.000	607.000	1.337.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	730.000	1.350.000	2.080.000 đ/trường hợp
2.2	Giám định hài cốt			
	Trường hợp 4	1.610.000	10.200.000	11.810.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	1.610.000	7.650.000	9.260.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	1.610.000	10.200.000	11.810.000 đ/trường hợp
2.3	Giám định hồ sơ			
2.3.1	Giám định hồ sơ			
	Trường hợp 1	410.000	2.775.000	3.185.000 đ/trường hợp
2.3.2	Giám định hồ sơ và tang vật			
	Trường hợp 1	535.000	3.300.000	3.835.000 đ/trường hợp
2.4	Thực nghiệm phục vụ Giám định pháp y			
	Trường hợp 1	2.790.000	2.295.000	5.085.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	2.790.000	3.825.000	6.615.000 đ/trường hợp
2.5	Giám định chết não, thu giữ mô, tạng hiến tặng			
	Trường hợp 5	2.860.000	3.825.000	6.685.000 đ/trường hợp
2.6	Lưu giữ bảo quản tử thi			
	Trường hợp 3	2.760.000	1.020.000	3.780.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 5	2.760.000	765.000	3.525.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 6	2.760.000	1.700.000	4.460.000 đ/trường hợp
3	Giám định Hóa pháp:			
	<i>Xử lý mẫu</i>	455.000		455.000 đ/mẫu
	Chất độc bay hơi (1 chất), định lượng Ethanol (phương pháp sắc ký khí phải qua xử lý)	615.000		615.000 đ/mẫu
	Phương pháp sắc ký khí (GC)	610.000		610.000 đ/mẫu
	<i>Các chất độc hữu cơ:</i>			
	Phương pháp hóa học 1 chất	400.000		400.000 đ/mẫu
	Phương pháp quang phổ tử	200.000		200.000 đ/mẫu

	ngoại			
	Sắc kí lớp mong	200.000		200.000 đ/mẫu
	Phương pháp sắc ký khí	610.000		610.000 đ/mẫu
	Phương pháp sắc ký lỏng	605.000		605.000 đ/mẫu
	Phương pháp sắc ký khí - khối phổ	1.000.000		1.000.000 đ/mẫu
	Phương pháp sắc ký lỏng - khối phổ	1.035.000		1.035.000 đ/mẫu
	Phương pháp sinh vật (thử độc tính bất thường)	400.000		400.000 đ/mẫu
	<i>Các chất vô cơ:</i>			
	Phương pháp sấy nung	600.000		600.000 đ/mẫu
	Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử một nguyên tố	600.000		600.000 đ/mẫu
	<i>Xác định các chất gây nghiện bằng phương pháp sắc ký lỏng (HPLC) pha qua xử lý</i>	600.000		600.000 đ/mẫu
	<i>Chi phí khác</i>	445.000		445.000 đ/trường hợp
	<i>Mức thu bồi dưỡng giám định tư pháp đối với hóa pháp (trừ chất độc bay hơi (1 chất), định lượng Ethanol, các chất gây nghiện)</i>			
	Trường hợp 1		1.530.000	1.530.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2		2.550.000	2.550.000 đ/trường hợp
	<i>Mức thu bồi dưỡng giám định tư pháp đối với chất độc bay hơi (1 chất), định lượng Ethanol, các chất gây nghiện</i>			
	Trường hợp 1		255.000	255.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2		425.000	425.000 đ/trường hợp
4	<i>Giám định Mô bệnh học</i>			
4.1	Giám định Mô bệnh học (trường hợp ≤ 5 mẫu)			
	Trường hợp 1	790.000	765.000	1.555.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	790.000	1.275.000	2.065.000 đ/trường hợp
4.2	Giám định Mô bệnh học			

	(trường hợp > 5 mẫu)			
	Trường hợp 1	1.010.000	765.000	1.775.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	1.010.000	1.275.000	2.285.000 đ/trường hợp
5	Lưu trữ bảo quản mô ghép (ngân hàng mô)	73.180.000	7.650.000	80.830.000 đ/trường hợp
6	Giám định ADN:			
6.1	Giám định ADN (ADN trong nhân)			
6.1.1	Giám định ADN (ADN trong nhân 01 mẫu)			
	Trường hợp 1	3.310.000	1.020.000	4.330.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	3.310.000	1.700.000	5.010.000 đ/trường hợp
6.1.2	Giám định ADN (ADN trong nhân 03 mẫu)			
	Trường hợp 1	9.930.000	1.020.000	10.950.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	9.930.000	1.700.000	11.630.000 đ/trường hợp
6.1.3	Giám định ADN (ADN trong nhân 2 mẫu)			
	Trường hợp 1	8.950.000	1.020.000	9.970.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	8.950.000	1.700.000	10.650.000 đ/trường hợp
6.2	Giám định ADN (ADN ty thể)			
	Giám định ADN ty thể của 01 mẫu			
	Trường hợp 1	4.685.000	1.020.000	5.705.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	4.685.000	1.700.000	6.385.000 đ/trường hợp
6.3	Giám định dấu vết sinh học (lông, tóc, máu, tinh trùng...)			
	Giám định dấu vết sinh học của 01 mẫu			
	Trường hợp 1	3.310.000	1.020.000	4.330.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	3.310.000	1.700.000	5.010.000 đ/trường hợp
6.4	Giám định nhiễm sắc thể giới tính của 01 mẫu			
	Trường hợp 1	660.000	405.000	1.065.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	660.000	675.000	1.335.000 đ/trường hợp

7	Lưu trữ ADN(ngân hàng và tàng thư ADN):			
7.1	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN trong nhân (Tàng thư ADN)	3.280.000	1.020.000	4.300.000 đ/mẫu
7.2	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN ty thể (Tàng thư ADN)	4.345.000	1.020.000	5.365.000 đ/mẫu
7.3	Lưu trữ ADN (ngân hàng ADN)	73.230.000	7.650.000	80.880.000 đ/mẫu
8	Cận lâm sàng phục vụ giám định pháp y			
8.1	Điện não đồ			
	Trường hợp thông thường	140.000	136.000	276.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	140.000	255.000	395.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	140.000	425.000	565.000 đ/trường hợp
8.2	Siêu âm			
8.2.1	Siêu âm 2D			
	Trường hợp thông thường	90.000	136.000	226.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	90.000	255.000	345.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	90.000	425.000	515.000 đ/trường hợp
8.2.2	Siêu âm 3D, 4D			
	Trường hợp thông thường	180.000	136.000	316.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	180.000	255.000	435.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	180.000	425.000	605.000 đ/trường hợp
8.3	Điện tâm đồ			
	Trường hợp thông thường	75.000	136.000	211.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	75.000	255.000	330.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	75.000	425.000	500.000 đ/trường hợp
8.4	X. Quang thông thường			
	Trường hợp thông thường	80.000	136.000	216.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	80.000	255.000	335.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	80.000	425.000	505.000 đ/trường hợp
8.5	Chụp CT Scanner			
	Trường hợp thông thường	960.000	136.000	1.096.000 đ/trường hợp

	Trường hợp 1	960.000	255.000	1.215.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	960.000	425.000	1.385.000 đ/trường hợp
8.6	Chụp cộng hưởng từ (MRI)			
	Trường hợp thông thường	1.560.000	136.000	1.696.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1	1.560.000	255.000	1.815.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	1.560.000	425.000	1.985.000 đ/trường hợp
8.7	Chụp cắt lớp 3D (MSCT: Multislice Computed Tomography)			
	Trường hợp thông thường	2.560.000	136.000	2.696.000đ/trường hợp
	Trường hợp 1	2.560.000	255.000	2.815.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 2	2.560.000	425.000	2.985.000 đ/trường hợp
8.8	Bồi dưỡng giảm định đối với khám chuyên khoa sâu ở các chuyên khoa (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Mắt, RHM, TMH, Da liễu, Điện thần kinh cơ, XN nội tiết tố giới tính, Lao, Truyền nhiễm, khác)			
	Trường hợp thông thường		136.000	136.000 đ/trường hợp
	Trường hợp 1		255.000	255.000đ/trường hợp
	Trường hợp 2		425.000	425.000 đ/trường hợp

Ghi chú:

Trường hợp 1 là áp dụng theo khoản 2 điều 2 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg;
Trường hợp 2 là áp dụng theo khoản 3 điều 2 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg;
Trường hợp 3 là áp dụng theo khoản 2 điều 3 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg;
Trường hợp 4 là áp dụng theo khoản 3 điều 3 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg;
Trường hợp 5 là áp dụng theo khoản 4 điều 3 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg;
Trường hợp 6 là áp dụng theo khoản 5 điều 3 Quyết định 74/2009/QĐ-TTg.